LINK BÀI HỌC: <https://www.youtube.com/watch?v=a9GnbpR96Ow>

Chú thích từ trong clip:

* dạng phân từ 2 của động từ: động từ cột 3/ V-ed
* dạng phân từ 1 của động từ: động từ cột 2/ V-ed

**UNIT 10**

**PASSIVE VOICE: CÂU BỊ ĐỘNG**

**Hạn nộp bài:** CHỤP HÌNH VÀ NỘP LẠI CHO GVBM TRONG NGÀY HÔM NAY 3/4/2020

HS CHÉP BÀI VÀO VỞ VÀ GHI NHỚ NỘI DUNG BÀI HỌC SAU

**LỚP: 8A1, 8A4, 8A5 nộp bài cho cô Phương**

***Zalo: 0798747882***

***Mail: maquephuong@gmail.com***

**LỚP: 8A2, 8A3, 8A6, 8A7 nộp bài cho cô Cúc**

***Zalo: 0907747456***

***Mail:*** [***hongcucnguyen881@gmail.com***](mailto:hongcucnguyen881@gmail.com)

1. **Definition (Định nghĩa):**

* Câu bị động là câu mà chủ ngữ trong câu là đối tượng bị (chịu) tác động bởi hành động, nhấn mạnh vào hành động, tác nhân gây ra hành động không quá quan trọng.
* Các trường hợp sử dụng câu bị động:
* Khi không biết người thực hiện hành động là ai.
* Khi không muốn nhắc đến người thực hiện hành động, chỉ muốn tập trung vào hành động.
* Khi muốn tập trung vào đối tượng bị tác động.
* Khi muốn thể hiện sự lịch sự.

1. **How to change into Passive voice: Nguyên tắc chuyển sang câu bị động**

**S** + **V** + **O**

**S** + **to be + V-ed/ V3**+ **by + O**

- Bước 1: Phân tích câu chủ động ra 3 thành phần chính S (chủ ngữ/ chủ từ), V (động từ), O (tân ngữ/ túc từ)

- Bước 2: Đưa O của câu chủ động thành S của câu bị động, và S của câu chủ động thành by+O của câu bị động

- Bước 3: chuyển V của câu chủ động thành**to be + V-ed/ V3 (lưu ý:** to be phải chia theo thì của câu chủ động và chia theo S của câu bị động)

Eg: Tom/ washes/ his car/ everyday.

--> His car is washed by Tom everyday.

**\* Note (Chú ý):**

- Trạng ngữ chỉ thời gian đứng sau by+O

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn đứng trước by+O

- Khi S của câu chủ động là someone, somebody, people, I, we, you, they, he, she, it (chủ ngữ không xác định), ta có thể bỏ by+O ở câu bị động

**III. Passive voice in some tenses: (cách chuyển câu bị động trong một số thì)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thì | Cấu trúc câu bị động | Ví dụ |
| [Thì hiện tại đơn](https://elight.edu.vn/hien-tai-don-gian-the-simple-present/) (Simple Present): | S + am/is/are + V-ed/ V3+ (by +O). | Ex: He waters flowers everyday.  -> Flowers are watered everyday. |
| Thì quá khứ đơn (Past Simple): | S + was/were + V-ed/ V3 +(by +O). | Ex: The storm destroyed the city last night.  -> The city was destroyed by the storm last night. |
| Thì tương lai đơn (Simple Future): | S + will + be + V-ed/ V3 + (by +O). | Ex: They will cut the grass tomorrow.  -> The grass will be cut (by them) tomorrow. |

**EXERCISES:**

1. **Phân tích các câu sau ra 3 thành phần chính: chủ ngữ (S), động từ (V) và tân ngữ (O)**

**Ví dụ:** An/ is cooking/ a meal/ now.

**S V O**

1. My father waters this flower every morning.

2. John invited Fiona to his birthday party last night.

3. Her mother is preparing the dinner in the kitchen.

4. We should clean our teeth twice a day.

5. Our teachers have explained the English grammar.

6. Some drunk drivers caused the accident in this city.

7. Tom will visit his parents next month.

8. The manager didn’t phone the secretary this morning.

1. **Chuyển các câu sau sang dạng bị động ở THÌ HIỆN TẠI ĐƠN:**

**Ví dụ:** Tom studies English everyday.

***-****-> English is studied by Tom everyday.*

1. He does his exercise every afternoon.

2. Somebody calls me every day.

3. Sam cleans the floor twice a day.

4. We eat a chocolate cake.

5. They sell this house.

6. William writes a letter.

7. She washes the dishes every day.

8. Everyone sings this song.

9. He sweeps the floor.

10. I take care of my dog.